

Số: 2071/17/BCKT/AUD-VIETVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại - Dịch vụ Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập tại ngày 06 tháng 03 năm 2017, từ trang 09 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES



Ths. Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 0851-2013-071-1

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 2141-2013-071-1

Nơi nhận:

- *Như trên*
- *Lưu VIETVALUES*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		30.071.282.635	28.820.383.584
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		2.367.303.763	7.298.719.345
111	1. Tiền	V.1	2.367.303.763	1.798.719.345
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	19.000.000.000	12.300.000.000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		19.000.000.000	12.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.996.583.443	4.601.455.057
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	3.309.805.176	3.687.859.564
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	492.180.230	32.445.700
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	314.598.037	1.001.149.793
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(120.000.000)	(120.000.000)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	4.707.395.429	4.620.209.182
141	1. Hàng tồn kho		4.797.427.640	4.715.073.982
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(90.032.211)	(94.864.800)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		86.763.779.622	89.266.867.901
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.102.410.859	1.450.252.892
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	1.102.410.859	1.450.252.892
222	- Nguyên giá		2.906.511.515	2.906.511.515
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.804.100.656)	(1.456.258.623)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	82.823.452.507	87.098.980.738
231	- Nguyên giá		114.302.315.819	114.052.308.819
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.478.863.312)	(26.953.328.081)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.837.916.256	717.634.271
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	2.837.916.256	717.634.271
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		116.835.062.257	118.087.251.485

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÀI GÒN

Địa chỉ: 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		76.342.627.065	80.307.302.210
310	I. Nợ ngắn hạn		18.734.162.436	18.425.217.128
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	6.350.372.349	7.107.909.760
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	1.906.009.186	332.565.599
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	3.694.681.452	4.141.009.598
314	4. Phải trả người lao động	V.14	1.201.400.916	467.576.193
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.15	1.976.256.576	2.064.778.486
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16a	2.754.629.102	3.853.082.996
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	850.812.855	458.294.496
330	II. Nợ dài hạn		57.608.464.629	61.882.085.082
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.16b	57.608.464.629	61.882.085.082
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.492.435.192	37.779.949.275
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.18	40.492.435.192	37.779.949.275
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		25.000.000.000	25.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		4.210.000.000	4.210.000.000
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		6.788.632.736	5.940.104.982
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.493.802.456	2.629.844.293
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		2.629.844.293	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		1.863.958.163	2.629.844.293
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		116.835.062.257	118.087.251.485

Người lập biểu

NGÔ THANH LONG

Kế toán trưởng

VŨ THỊ KIM NGÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017



Tổng Giám đốc

NGÔ THANH NHON

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ SÀI GÒN

Địa chỉ: 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

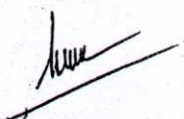
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	107.403.134.838	105.677.671.355
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		107.403.134.838	105.677.671.355
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	74.996.357.863	76.658.738.646
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		32.406.776.975	29.018.932.709
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.267.188.004	400.527.720
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	3.779.018.223	3.266.584.497
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	553.594.151	568.909.301
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	18.622.162.562	16.549.877.738
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.719.190.043	9.034.088.893
31	11. Thu nhập khác		61.471.907	67.174.147
32	12. Chi phí khác		5.789.051	5.781.769
40	13. Lợi nhuận khác		55.682.856	61.392.378
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.774.872.899	9.095.481.271
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13b	2.289.595.350	2.050.084.487
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.485.277.549	7.045.396.784
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.884	2.882
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	2.884	2.882

Người lập biểu


NGÔ THANH LONG

Kế toán trưởng


VŨ THỊ KIM NGÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		10.774.872.899	9.095.481.271
	2. Điều chỉnh cho các khoản		3.602.509.858	4.390.590.869
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		4.873.377.264	4.824.647.514
03	- Các khoản dự phòng		(4.832.589)	(74.527.646)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		889.647	(9.472.608)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.266.924.464)	(350.056.391)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		14.377.382.757	13.486.072.140
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		604.871.614	(594.399.230)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(82.353.658)	(875.240.922)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(2.583.973.445)	(59.166.583)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	-
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.062.815.409)	(2.086.628.401)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(880.273.273)	(785.293.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.372.838.586	9.085.344.004
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.370.288.985)	(110.045.454)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	2.681.819
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(21.000.000.000)	(13.510.083.333)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.300.000.000	12.960.083.333
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.266.924.464	347.374.572
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.803.364.521)	(309.989.063)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.500.000.000)	(3.267.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(6.500.000.000)	(3.267.000.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(4.930.525.935)	5.508.354.941
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7.298.719.345	1.780.891.796
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(889.647)	9.472.608
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	2.367.303.763	7.298.719.345

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGÔ THANH LONG

VŨ THỊ KIM NGÂN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2017

